

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74A/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Nhâm Đức Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Thị V**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp HT, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Chị V có mặt tại phiên tòa).

2. **Bị đơn:** Anh **Danh Ngọc Đ**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp HT, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/04/2022, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị V trình bày:

Vào năm 2002 chị cùng anh Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã VHH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 20/05/2009. Thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 người con chung tên Danh Thị Ngọc D, sinh ngày

10/6/2003, Danh Thị Kim N, sinh ngày 15/01/2005 và Danh Si H, sinh ngày 16/05/2012 hiện nay các con đang sống cùng chị. Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập tài sản chung; về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ ai và người khác nợ vợ chồng chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do trong quá trình hôn nhân thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó vì hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh chị phải lên Thành phố Hồ Chí Minh để làm công nhân, đi làm được một thời gian thì anh Đ về quê và không lên thành phố làm cùng chị V. Từ đó anh Đ có người phụ nữ khác, để một mình chị V chăm sóc, nuôi dưỡng các con, anh Đ không còn quan tâm đến mẹ con chị V. Dù thời gian qua chị V đã nhiều lần cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị V và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, anh Đ cũng không còn quan tâm gì đến mẹ con chị V nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Đ;

- Về con chung: Đối với người con chung là cháu Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 10/6/2003 nay đã trưởng thành nên không yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là cháu Danh Thị Kim N, sinh ngày 15/01/2005 và Danh Si H, sinh ngày 16/05/2012 và chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh của bà Thị Vạn (mẹ ruột anh Đ) tại ấp HT, xã VHH,, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 06/06/2022:

Con bà là anh Đ, sinh năm 1978, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp HT, xã VHH, huyện Châu Thành, Kiên Giang có vợ là chị V, sinh năm 1981. Trong quá trình chung sống chị V và anh Đ có 03 người con chung gồm: cháu Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 10/06/2003, cháu Danh Thị Kim N, sinh ngày 15/01/2005, cháu Danh Si H, sinh ngày 16/05/2012. Anh Đ và chị V đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên là cháu Danh Thị Kim N đề ngày 08/07/2022: Cháu Danh Thị Kim N có nguyện vọng được mẹ là chị V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên là cháu Danh Si H đề ngày 12/08/2022: Cháu Danh Si H có nguyện vọng được mẹ là chị V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V ly hôn với anh Đ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Đối với cháu Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 10/6/2003 nay đã trưởng thành nên chị V không yêu cầu xem xét, giải quyết. Đối với cháu Danh Thị Kim N, sinh ngày 15/01/2005 và cháu Danh Si H, sinh ngày 16/05/2012 đều có nguyện vọng được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Kim N và cháu Si H cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị V xác định trong quá trình chung sống với anh Đ thì vợ chồng chị không có không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 19/04/2022, chị V có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đ, đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Đ có địa chỉ cư trú tại ấp HT, xã VHH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/05/2009 và được Ủy ban nhân dân xã VHH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị V và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị V xác nhận chị và anh Đ sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó vì hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh chị phải lên Thành phố Hồ Chí Minh để làm công nhân nhưng đi làm được một thời gian. Đến năm 2018 thì anh Đ về quê và không lên thành phố làm cùng chị V. Từ đó anh Đ có người phụ nữ khác, để một mình chị V chăm sóc, nuôi dưỡng các con, anh Đ không còn quan tâm đến mẹ con chị V. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị V và anh Đ hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh Đ có mặt tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ anh Đ không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị V. Tại phiên tòa, chị V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ và trên thực tế anh chị đã ly thân từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng chị V và anh Đ không còn tự nguyện chung sống với nhau nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về việc xin ly hôn với anh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Đ có 03 người con chung là cháu Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 10/06/2003, cháu Danh Thị Kim N, sinh ngày 15/01/2005 và cháu Danh Si H, sinh ngày 16/05/2012. Đối với cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết; chị V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và cháu Si H, chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi ly thân với anh Đ (khoảng năm 2018) cho đến nay chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu Si H, đồng thời cháu N và cháu Si H cũng có nguyện vọng được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu Si H cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và cũng phù hợp với quy định định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Đ.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị V là nguyên đơn do đó chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị V.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị V và anh Đ

2. Về con chung: Đối với cháu Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 10/6/2003 nay đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Giao cháu Danh Thị Kim N, sinh ngày 15/01/2005 và cháu Danh Si H, sinh ngày 16/05/2012 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu N và cháu Si H) và chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị V xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị V cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001247 ngày 19/04/2022

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị V không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh